

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I (2025-2026)

MÔN NGỮ VĂN

KHỐI: 11

***Thời gian: Tuần 08 (HK I)**

A. ÔN TẬP CHUNG

BÀI 1 – CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Học sinh chỉ ra được vai trò của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; tìm và đánh giá được chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

b. Năng lực đặc thù

- Học sinh nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Học sinh chỉ ra được vai trò của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; tìm và đánh giá được chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

3. Về phẩm chất: Học sinh biết yêu thương và có trách nhiệm đối với con người, cuộc sống

II. TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Truyện ngắn hiện đại

- Truyện ngắn hiện đại là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, có thể gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chắc lọc, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật.

2. Câu chuyện và truyện kể

- **Câu chuyện** (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian.

- **Truyện kể** gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến **cách câu chuyện** được kể như thế nào.

3. Điểm nhìn trong truyện kể

- Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại câu chuyện ấy). Người kể chuyện bao giờ cũng kể câu chuyện từ **điểm nhìn nhất định**, được hiểu là **vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá**.

- Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều loại khác nhau như:

+ Điểm nhìn của người kể chuyện

+ Điểm nhìn của nhân vật được kể

+ Điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết)

+ Điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật)

+ Điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần)

+ Điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...)...

+ Điểm nhìn còn **mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật**.

4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.

+ Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng được miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc.

+ Trong khi đó, **lời nhân vật** là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

+ Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...).

III. LÀM VĂN

1. **Thể loại:** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện

2. **Yêu cầu:**

- HS nắm được những yêu cầu cơ bản của việc viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện với nội dung trọng tâm là đánh giá nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

- HS biết thực hành văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (với nội dung trọng tâm đã nêu trên) theo các bước được hướng dẫn.

BÀI 2 – CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Về Kiến thức

- Học sinh đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.
- Học sinh phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ
- Học sinh nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Học sinh nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Học sinh viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.
- Học sinh biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ) theo lựa chọn cá nhân.

2. Về năng lực

- Học sinh viết bài văn phân tích, đánh giá về cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm thơ.
- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất

- Học sinh xác định vẻ đẹp của cuộc sống thông qua tác phẩm thơ.

II. TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Cấu tứ trong thơ

- Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.
- Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm.

- Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

- Những kiểu cấu tứ quen thuộc trong thơ:

+ **Cấu tứ dựa trên mô hình cấu trúc phổ quát của bài thơ:** Cấu tứ dựa trên việc xây dựng, tạo lập các hình tượng trong thơ. Cách tổ chức tác phẩm dựa trên việc xây dựng và tổ chức hình tượng có sức khái quát cao luôn là khao khát và thách thức lớn đối với mỗi nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tổ chức sắp xếp các nguồn cảm xúc sao cho chúng được bung nở, biểu hiện một cách tự nhiên nhất, cho thấy được trạng thái tâm hồn của nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tạo lập và tổ chức bố cục của bài thơ trữ tình. Bố cục của một văn bản thơ hoàn chỉnh bao gồm có nhan đề, các câu thơ, khổ thơ tạo thành các đoạn thơ, các đoạn thơ đó hợp lại tạo thành một tác phẩm thơ trọn vẹn

+ **Cấu tứ dựa trên đặc trưng cấu trúc của thể thơ và đặc trưng của một số biện pháp nghệ thuật trong thơ:** Cấu tứ dựa trên sự tôn trọng đặc trưng của các thể thơ: Thơ lục bát, thơ Đường luật, Thơ tự do, Thơ văn xuôi, ...

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

- Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ tượng trưng trước hết được dùng để chỉ **một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù**. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

- Trước một hình ảnh, **hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều**, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của yếu tố tượng trưng. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ.

- Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,.. bằng những cách thức khác nhau. - Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

3. Ngôn ngữ văn học:

- Là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học.

- Trên cơ sở ngôn ngữ chung của nhân dân, do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học được hình thành và phát triển phong phú nhờ hoạt động lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn.

III. LÀM VĂN

1. **Thể loại:** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)

2. **Yêu cầu:**

- **Học sinh ghi nhớ** được những yêu cầu cơ bản của việc viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ với nội dung trọng tâm là phân tích câu tứ và hình ảnh của tác phẩm.
- **Học sinh thực hành** viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (với việc chú ý hai phương diện cơ bản là câu tứ và hình ảnh) theo các bước được hướng dẫn.



B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I:

Câu trúc đề kiểm tra thời gian 90 phút, gồm 2 phần:

I. ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm):

Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích thuộc một trong số các thể loại: truyện hiện đại, ngữ liệu ngoài SGK, thường bao gồm các dạng câu hỏi sau:

- Theo 3 mức độ (Biết, Hiểu, Vận dụng): Biết (2 câu) - Hiểu (3 câu) - Vận dụng (1 câu).
- Số lượng câu hỏi: 6 câu (có ít nhất 01 câu hỏi tiếng Việt).
- Trả lời ngắn gọn, đúng trọng tâm vào câu hỏi.

Ở mức độ nhận biết:

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật. Xác định được phương thức biểu đạt.
- Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.
- Nhận biết được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn hiện đại.

Ở mức độ thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện
- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết tiêu trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại, lí giải được ý nghĩa của nhân vật.
- Xác định được các yếu tố nghệ thuật và hiệu quả sử dụng trong văn bản.
- Đánh giá được thái độ, tình cảm của tác giả được gửi gắm qua văn bản.
- Nêu được chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Ở mức độ Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.
- So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau, liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.

II. VIẾT (5.0 điểm)

- Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện với nội dung trọng tâm là đánh giá nghệ thuật kể chuyện của tác giả.
- HS biết thực hành văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (với nội dung trọng tâm đã nêu trên) theo các bước được hướng dẫn.

Nhận biết:

- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về vấn đề nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một bài văn nghị luận.

Thông hiểu:

- Trình bày được những ý chính của vấn đề: Phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm: xây dựng cốt truyện, xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu, cách tổ chức trần thuật, nghệ thuật miêu tả, ngôi kể, điểm nhìn...(HS chọn ít nhất hai phương diện để phân tích)
- Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Đưa ra những nhận định, phân tích có chiều sâu và thể hiện góc nhìn mới mẻ.

Vận dụng cao:

- Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt,...để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Văn phong, góc nhìn có sự sáng tạo mang tính cá nhân.

Đề kiểm tra minh họa

Đề 1:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản

LÁ CUỐI NĂM

Đó là buổi chiều đẹp nhất của năm. Ông ngoại tôi bảo vậy. Chiều 30 Tết. Tất cả mọi công việc phải hoàn tất trước khi trời tối. Bánh chưng đã gói xong. Nhà cửa đã dọn dẹp sạch sẽ. Điều mà ngoại bắt buộc mọi người phải làm vào chiều cuối năm là gom hết lá khô vào một

góc sân, đốt lên rồi cả gia đình ngồi quây quần quanh đó để...chẳng làm gì cả. Ngoại gọi đó là buổi chiều của những đứa con đi xa trở về, của những người đã khuất qua hồi ức người còn sống. Người lớn ngồi trầm ngâm. Bọn trẻ con bám tay nhau cười khúc khích trước vẻ nghiêm trang mà theo chúng là rất vô lý.

Gió se se lạnh. Lửa ấm áp nổ lách tách. Khói thơm nồng mùi lá khô. Cái thú của chúng tôi là hít hà và đoán xem đó là mùi của lá nào. Lá xoài cháy hăng hăng. Lá ổi thơm nhẹ nhẹ...

Bao giờ cũng vậy, ngoại chỉ lên tán lá xanh trên đầu và hỏi một đứa cháu:

– Vòm cây không thay đổi nhưng những chiếc lá thì thay đổi. Trên đó không còn chiếc lá nào của năm trước, phải không cháu?

Sau đó thì chắc chắn là đến phần “nghi thức” của chiều cuối năm.

– Con đã làm được gì trong một năm qua? – Ông ngoại hỏi mẹ tôi.

– Con đi dạy một ngày hai buổi. – Mẹ nghiêm trang trả lời. – Học trò của con năm nay không có đứa nào cá biệt. Chúng chăm học và rất ngoan. Con cũng đã quét vôi lại ngôi mộ của mẹ.

– Vậy là tốt. – Ông nói rồi quay sang tôi. – Còn cháu?

Tôi khẽ khàng:

– Cháu chẳng làm gì cả. Cháu chỉ đi học thôi.

– Vậy là tốt. Cháu biết rằng cháu đang đi học. Thế là tốt...

Cứ thế, lần lượt từng người một nói cho ông biết mình đã làm được gì. Lúc nhỏ, tôi vẫn nghĩ những câu hỏi của ông thật buồn cười. Tôi cũng không hiểu lắm câu chuyện những chiếc lá và vòm cây mà ông luôn kể mỗi chiều cuối năm.

Ngày ông hấp hối, tôi đứng cuối chân giường và khóc. Ông vẫy tôi lại, thều thào:

– Này cháu, những chiếc lá thay đổi, nhưng vòm cây vẫn không thay đổi. Phải không?

Tôi méo mào gật đầu và trong khoảnh khắc đó tôi hiểu ra tất cả. Không có chiếc lá nào xanh trọn 365 ngày trong một đời lá. Những chiếc lá khô đi và rụng xuống nhưng vòm cây vẫn giữ nguyên vẻ mát xanh vững chãi. Hãy bình tâm sau mỗi lần mát mát dù rằng chỉ những chiếc lá ở cạnh nhau mới thấy đau với khoảng trống khi chiếc lá ngay cạnh mình rơi xuống.

Từ khi ông mất, những chiều cuối năm không còn ai ngồi quanh đống lửa. Song, dù ở đâu, chúng tôi vẫn luôn nhớ quay về góc vườn cũ, thăm lại những hàng cây. Bao nhiêu mùa lá khô rơi nhưng vòm cây vẫn xanh và rì rào trong gió. Tôi biết rằng trong vòm cây nguyên lành như chưa bao giờ biến đổi kia, có một chiếc lá đã rơi và để lại khoảng trống không gì bù đắp nổi. Chiếc lá ấy vẫn trở về trong trái tim những chiếc lá khác – vào mỗi chiều cuối năm.

(Đặng Nguyễn Đông Vy – Hạt giống tâm hồn, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr51-53)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản trên.

Câu 2. Tìm những chi tiết diễn tả cảnh nhà ông ngoại ngày 30 Tết.

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép tu từ qua câu văn “Hãy bình tâm sau mỗi lần mát mát dù rằng chỉ những chiếc lá ở cạnh nhau mới thấy đau với khoảng trống khi chiếc lá ngay cạnh mình rơi xuống.”

Câu 4. Anh /chị hiểu gì về câu văn “Tôi biết rằng trong vòm cây nguyên lành như chưa bao giờ biến đổi kia, có một chiếc lá đã rơi và để lại khoảng trống không gì bù đắp nổi. Chiếc lá ấy vẫn trở về trong trái tim những chiếc lá khác – vào mỗi chiều cuối năm.”

Câu 5. Nhận xét về sự chuyển biến tâm trạng, cảm xúc của nhân vật tôi từ khi còn bé cùng ông trải qua những nghi thức ngày cuối năm cho tới khi ông qua đời trong đoạn văn bản trên.

Câu 6. Hãy rút ra một thông điệp mà anh/chị cho là ý nghĩa nhất qua đoạn trích trên và lí giải. (trình bày khoảng 5 đến 7 dòng)

II. VIẾT (5,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của văn bản Đọc- Hiểu trên.

-----Hết-----

Đề 2:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

[...] Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hồn hào, lười biếng, má nó biểu: "Lại coi thằng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương".

[...] Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sôi lăm. Ông già khó tính, thêm tật lãng tai. Người ta mời ông ngồi, ông cười, xua tay: "Ăn rồi. Ăn cơm với thằng Hết rồi". Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông Tà một chút [...].

Bữa nào anh Hết cũng chống mông thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mõi mõi, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giở cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ậng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng [...]. Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, " Chớ ầu ơ... Cây khô đâu dễ mọc chồi...". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tung đuối nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiếu thảo hết mình [...]

(Trích **Hiu hiu gió bắc**, Nguyễn Ngọc Tư, Fanpage Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản.

Câu 2. Liệt kê hai chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật cha anh Hết.

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong đoạn trích sau: “*Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.*”

Câu 4. Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật anh Hết được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Nêu nhận xét về tình cảm của cha con anh Hết trong đoạn trích trên.

Câu 6. Qua văn bản, hãy nêu một thông điệp mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất với cuộc sống hôm nay và giải thích lí do. (trình bày khoảng 5 đến 7 dòng)

II. VIẾT (5.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của văn bản Đọc- Hiểu trên.

HẾT